

# **KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945**

## **I – BÀI TẬP**

**1.** Câu hỏi 1, sách giáo khoa, trang 118.

**2.** Hãy trình bày nhận thức về nội dung cơ bản của khái niệm "văn học hiện đại hoá" được dùng trong bài học. Cơ sở xã hội – lịch sử và cơ sở tư tưởng của công cuộc hiện đại hoá văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.

**3.** Quá trình hiện đại hoá của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 diễn ra qua ba giai đoạn. Hãy lập biểu đồ về ba giai đoạn ấy và nêu lên lực lượng sáng tác chủ yếu cùng những đặc điểm chung nhất của văn học ở mỗi giai đoạn. Hãy ghi tên các tác phẩm đã học ở Trung học cơ sở đúng vào vị trí của chúng ở mỗi giai đoạn.

**4.** Sức sống mãnh liệt của nền văn hoá dân tộc có liên quan gì tới tốc độ phát triển mau lẹ của văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 ? Vai trò của tầng lớp trí thức Tây học đối với tốc độ này ?

**5.** Vì sao văn học Việt Nam thời kì đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 lại phân hoá thành hai bộ phận hợp pháp và bất hợp pháp ? Những khác biệt cơ bản giữa hai bộ phận này ? Hai bộ phận này có quan hệ với nhau như thế nào ?

**6.** Anh (chị) hiểu thế nào là văn học lãng mạn và văn học hiện thực ? Chọn phân tích một tác phẩm văn học lãng mạn và một tác phẩm văn học hiện thực thuộc bộ phận văn học hợp pháp từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 đã học ở Trung học cơ sở để minh hoạ.

**7.** Thành tựu cơ bản về tư tưởng và nghệ thuật của văn học thời kì đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 ? Hãy phân tích một tác phẩm nào đó thuộc thời kì văn học này (đã học ở Trung học cơ sở) để chứng minh.

## II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

### 1. Bài học gồm hai phần lớn :

Phần I – Đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 ;

Phần II – Thành tựu văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.

Phần I. Lần lượt trình bày và giải thích ba đặc điểm của văn học thời kì này :

#### a) Nền văn học được hiện đại hoá

– Giải thích đặc điểm (Hai cuộc khai thác thuộc địa của thực dân ; xã hội Việt Nam đổi khác với sự xuất hiện hàng loạt đô thị, trong đó có sự ra đời của nhiều tầng lớp xã hội mới mà đại diện về văn hoá là tầng lớp tiểu tư sản trí thức Tây học).

– Khái niệm văn học hiện đại hoá hiểu theo nghĩa thoát ra khỏi hệ thống thi pháp văn học thời trung đại.

– Quá trình hiện đại hoá văn học thời kì đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 qua ba giai đoạn, mỗi giai đoạn có một lực lượng sáng tác chủ yếu. Giai đoạn một : chuẩn bị cơ sở vật chất và văn hoá ; giai đoạn hai : tính chất quá độ hay giao thời ; giai đoạn ba : văn học thật sự hiện đại.

#### b) Văn học phát triển với nhịp độ đặc biệt mau lẹ

– Nhịp độ mau lẹ hiểu theo nghĩa toàn diện từ số lượng đến chất lượng (dẫn lời nhận xét của Vũ Ngọc Phan).

– Các nguyên nhân của tốc độ phát triển : yêu cầu thời đại, sức sống của nền văn học dân tộc, phong trào yêu nước và cách mạng, vai trò của tầng lớp trí thức Tây học.

#### c) Sự phân hoá phức tạp

– Nguyên nhân của sự phân hoá : Sự thức tỉnh của ý thức cá nhân trong giới cầm bút và sự phân hoá xã hội trong cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh xã hội quyết liệt dưới ách thực dân.

– Sự khác biệt giữa hai bộ phận hợp pháp và bất hợp pháp về các mặt :

+ Có chịu sự chi phối của chính sách văn hoá thực dân hay không ?

+ Thống nhất hay phân hoá về quan điểm sáng tác và xu hướng thẩm mĩ ?

+ Điều kiện sáng tác và phổ biến thế nào ?

Phần II. Thành tựu của văn học thời kì này gồm hai phần :

a) Về nội dung tư tưởng

– Phát huy truyền thống yêu nước, nhân đạo và anh hùng của văn học trên tinh thần dân chủ.

– Mức độ và những biểu hiện khác nhau của các nội dung trên giữa hai bộ phận văn học hợp pháp và bất hợp pháp (dẫn chứng).

b) Về hình thức thể loại và ngôn ngữ văn học

– Văn học nhìn chung được hiện đại hoá.

– Sự ra đời của văn xuôi và tiểu thuyết văn xuôi quốc ngữ (dẫn chứng).

– Sự phát triển phong phú của truyện ngắn hiện đại (dẫn chứng).

– Sự xuất hiện của một số thể loại mới : phóng sự, bút kí, tùy bút hiện đại, kịch nói, phê bình văn học (dẫn chứng).

– Cuộc cách mạng thi ca của phong trào Thơ mới.

Các phần mở đầu và kết luận của bài học, tuy chỉ là mấy dòng vắn tắt, nhưng có những ý khái quát rất quan trọng :

– Thời kì đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 tuy diễn ra chưa đầy nửa thế kỉ nhưng có vị trí rất quan trọng đối với tiến trình lịch sử của văn học Việt Nam.

– Hai sự kiện quan trọng tác động tới văn học :

+ Xã hội biến đổi sâu sắc dẫn đến những biến đổi trong ý thức và tâm lí con người.

+ Văn hoá Việt Nam có điều kiện vượt ra ngoài khu vực ảnh hưởng của văn hoá cổ trung đại Trung Hoa để tiếp xúc với các nền văn hoá của thế giới hiện đại.

2. Khái niệm "văn học hiện đại hoá"

Khái niệm này trong bài học được dùng theo nghĩa : thoát ra khỏi hệ thống thi pháp của văn học trung đại. Hệ thống thi pháp gồm mấy đặc điểm sau : tính quy phạm chặt chẽ của các thể loại ; sự sử dụng ước lệ một cách phổ biến với ba tính chất : uyên bác, cách điệu hoá, sùng cổ và phi ngã ; các thể loại chưa phân hoá thật rành mạch ; văn học thuật (triết học, đạo đức học, sử học,...) được coi trọng hơn văn nghệ thuật.

Nguyên nhân của công cuộc hiện đại hoá văn học :

– Việt Nam từ xã hội phong kiến chuyển thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến với sự hình thành hàng loạt đô thị có tính chất tư bản chủ nghĩa, ở đó ra đời nhiều tầng lớp xã hội mới.

– Ở tầng lớp thị dân này, có sự thức tỉnh ý thức cá nhân và yêu cầu thẩm mỹ mới do sinh hoạt đô thị và ảnh hưởng của tư tưởng và văn hoá, văn học phương Tây hiện đại thông qua tầng lớp trí thức Tây học.

3. Mẫu biểu đồ<sup>(1)</sup> :

<b>Chặng đường hiện đại hoá</b>	<b>1900 - 1920</b>	<b>1920 - 1930</b>	<b>1930 - 1945</b>
<b>Các mục cần đối chiếu</b>			
Lực lượng sáng tác chủ yếu	Sĩ phu yêu nước và cách mạng		Trí thức Tây học trẻ tuổi
Đặc điểm khái quát về văn học		tính chất quá độ hay giao thời	
Tác phẩm đã học ở Trung học cơ sở	<i>Đập đá ở Côn Lôn</i> (Phan Châu Trinh)	<i>Sống chết mặc bay</i> (Phạm Duy Tốn)	

4. Cuối thế kỉ XIX, nền văn học Việt Nam vẫn thuộc phạm trù văn học trung đại. Tiếp xúc với văn hoá phương Tây đã hiện đại hoá hàng mấy thế kỉ trước, nền văn học Việt Nam phải đối diện với yêu cầu gấp rút hiện đại hoá. Nhưng điều quyết định không phải là sự thúc bách của thời đại mà là sức sống văn hoá của dân tộc có đủ mạnh để đuổi kịp thế giới bằng một tốc lực lớn hay không. Sức sống mãnh liệt của nền văn hoá dân tộc có liên quan đến tốc độ mau lẹ của văn học thời kì đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 là như thế. Sức sống văn hoá của dân tộc nằm ở đâu ? Thời trung đại, sức sống ấy chủ yếu nằm ở tầng lớp trí thức Hán học, ở thời kì đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945, sức sống ấy chủ yếu nằm ở tầng lớp trí thức Tây học yêu nước. Ở tầng lớp này, tinh thần

---

(1) Mẫu biểu đồ này chỉ là phác thảo, học sinh dựa vào đây để tự hoàn chỉnh các nội dung trong biểu đồ.

dân tộc cùng với sự thức tỉnh về ý thức cá nhân trong giới hạn của điều kiện tư tưởng, tâm lí của họ đã khiến họ tìm đến văn chương như một lẽ sống. Họ tha thiết muốn xây dựng cho dân tộc một nền văn chương hiện đại bằng tiếng mẹ đẻ.

5. Từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945, nước ta tuy bị đặt dưới quyền thống trị của thực dân Pháp, nhưng phong trào yêu nước và cách mạng luôn luôn phát triển.

Vì thế nền văn học dân tộc bị phân hoá thành hai bộ phận : hợp pháp và bất hợp pháp đối với chính quyền thực dân. Đó là sự phân hoá về thái độ chính trị của những người cầm bút : trực tiếp hay không trực tiếp chống thực dân.

Hai bộ phận này tuy đều thuộc nền văn học dân tộc nhưng có nhiều điểm khác biệt :

– Bộ phận bất hợp pháp : Coi văn học là vũ khí chiến đấu, nhà văn trước hết là chiến sĩ cách mạng, thể hiện tinh thần yêu nước, lòng nhân đạo, chủ nghĩa anh hùng trên lập trường dân chủ và cách mạng một cách thẳng thắn, trực tiếp. Vì phải hoạt động bí mật nên điều kiện sáng tác và phổ biến không thuận lợi, ảnh hưởng tới chất lượng nghệ thuật. Những sáng tác ưu tú nhất của bộ phận văn học này chủ yếu là thơ trong nhà tù (dẫn chứng minh hoạ).

– Bộ phận hợp pháp : chịu tác động của chính sách văn hoá thực dân ; có sự phân hoá phức tạp về tư tưởng, khuynh hướng thẩm mĩ ; chủ nghĩa nhân đạo, tinh thần dân chủ nói chung bị giới hạn trong khuôn khổ chính sách văn hoá thực dân Pháp. Còn lòng yêu nước thì chỉ có thể phát biểu một cách gián tiếp và bóng gió (dẫn chứng minh hoạ).

Hai bộ phận tuy khác nhau, vẫn có quan hệ tác động qua lại. Nói chung, bộ phận văn học hợp pháp tác động nhiều hơn tới bộ phận văn học bất hợp pháp về mặt cách tân hiện đại hoá văn học (dẫn chứng minh hoạ).

6. Văn học lãng mạn khẳng định *cái tôi* cá nhân được giải phóng về tình cảm, cảm xúc và về trí tưởng tượng. Đề tài chủ yếu : thiên nhiên, tình yêu và tôn giáo. Văn học lãng mạn thường có cảm hứng về cái phi thường và có tính biệt lệ. Cõi cái đau, cõi buồn là một phạm trù thẩm mĩ. Phát triển mạnh về thơ và văn xuôi trữ tình. Văn học hiện thực chủ trương phát hiện bản chất và quy luật khách quan của xã hội ; chủ yếu viết về đề tài xã hội, phản ánh hiện thực bằng những hình tượng điển hình ; thể loại thích hợp nhất : tiểu thuyết, phóng sự.

Có thể phân tích minh họa hai tác phẩm đã học ở Trung học cơ sở : bài thơ *Nhớ rừng* của Thế Lữ (lãng mạn) và tiểu thuyết *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố (hiện thực).

7. Thành tựu cơ bản về tư tưởng và nghệ thuật của văn học thời kì đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 :

– Về tư tưởng : phát huy truyền thống yêu nước, nhân đạo và anh hùng trên tinh thần dân chủ.

– Về nghệ thuật : hiện đại hoá thơ ca, tiểu thuyết, truyện ngắn. Du nhập ba thể loại mới : phóng sự, kịch nói, phê bình văn học.

Để minh họa, có thể phân tích các tác phẩm đã học ở Trung học cơ sở như *Nhớ rừng* của Thế Lữ, *Ông đồ* của Vũ Đình Liên, *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, *Lão Hạc* của Nam Cao,...